

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2017

- Họ và tên: Trần Anh Kiệt
- Lớp: 7/7 Số ĐT: 0906.883.817 SĐT trường: 0613.860.558
- Trường: Trung học cơ sở Lê Quý Đôn
- Huyện Vĩnh Cửu - Tỉnh : Đồng Nai
- Đại chỉ Email học sinh: trananh Huy@moet.edu.vn
- Địa chỉ Email trường : thcslequydonvc@gmail.com

BÀI DỰ THI

“TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA LỊCH SỬ ĐỒNG NAI NĂM 2017”

Câu 1: Bạn hãy cho biết thông tin về nhân vật đã thiết lập nền hành chính trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai? Hãy trình bày những hiểu biết của bạn về địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ năm 1968 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay?

Đồng Nai, nơi trung du của miền Đông với rất nhiều cảnh đẹp. Đó là nơi em sinh ra và lớn lên. Trong những năm cấp sách đến trường, em đã nghe và đọc những câu ca dao đã trở thành thân thuộc:

*"Đồng Nai gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó thời không muốn về"*

Và

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.*

Hôm nay, khi được thông báo có cuộc thi Tìm hiểu giá trị Văn hóa Lịch sử Đồng Nai mà câu hỏi yêu cầu tìm hiểu về vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Em đã có quyết tâm dự thi tìm hiểu để thêm yêu, tự hào về quê hương và có thể tự tin giới thiệu với bạn bè.

❖ Thông tin về nhân vật đã thiết lập nền hành chính trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai:

Năm 1698 trở thành một mốc lịch sử quan trọng đối với vùng đất Nam bộ nói chung và Đồng Nai nói riêng. Đó là khởi điểm cho một vùng đất được chính thức hóa trong sự quản lý của một thể chế nhà nước thời các chúa Nguyễn. Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700) được xem là vị tướng mở cõi Nam Bộ với việc xác lập chủ quyền cho người Việt tại vùng đất Đồng Nai, Gia Định vào năm 1698.

❖ Vài nét về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh

• Tên gọi

Nguyễn Hữu Cảnh còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như Nguyễn Hữu Lễ, Nguyễn Hữu Thành, Lễ Công, Lễ Thành Hầu, Lễ Tài Hầu, Thượng Đẳng Lễ, Chương Bình Lễ. Kính, Lễ, Thành là các tên húy của ông. Trong các tên húy này, húy Kính (sau đọc trại âm là Cảnh) được biết và dùng nhiều nhất, húy Lễ được dùng khi triều đình phong cho ông tước Lễ Thành hầu và trong dân

gian khi đặt các tên sông hoặc đường mang tên ông, húy Thành có thể được dùng giới hạn trong dòng họ, gia phả.



Chân dung Nguyễn Hữu Cảnh

Do lòng kính mộ công lao của ông, dân gian đọc trại húy Cảnh thành các âm Kiếng, Kiến, Kinh, Cảnh. Thời Nguyễn vì kỵ húy Hoàng Tử Cảnh, nên âm Cảnh đọc trại thành Kiếng. Nhưng cách đọc trại này đã phai mờ và ngày nay, tên gọi Nguyễn Hữu Cảnh đã trở nên thông dụng và rất ít người gọi hoặc dùng đúng tên là **KÍNH** dù một số dịch giả, sử gia vẫn dùng.

- **Gia thế và khởi nghiệp**

Ông sinh năm 1650 tại vùng đất nay là thôn Phước Long, xã Chương Tín, huyện Phong Lộc (nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình), là con thứ ba của danh tướng Nguyễn Hữu Dật. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thiện.

Nguyễn Hữu Cảnh là cháu 9 đời của Nguyễn Trãi. Ông nội của ông là Nguyễn Triều Văn (dòng Nguyễn Hữu, tức Triều Văn hầu, phò triều Lê và Nguyễn sơ), trước ở làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau theo chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) di cư vào đất Thuận Hóa.

Cha ông, Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật, sinh nhiều con trai, trong đó có bốn người là tướng giỏi, kể theo thứ tự: Nguyễn Hữu Hào (tức Hào Lương hầu, tác giả truyện nôm *Song tinh bát dạ*), Nguyễn Hữu Trung (tức Trung Thắng hầu), Nguyễn Hữu Cảnh (tức Lễ Thành hầu) và Nguyễn Hữu Tín (tức Tín Đức hầu).

Dòng dõi con nhà tướng, lớn lên trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh, lại chuyên tâm luyện tập võ nghệ. Bởi vậy, tuy còn trẻ, nhưng ông đã lập được nhiều chiến công và đã được chúa Nguyễn Phúc Tần phong chức Cai cơ (một chức võ quan thuộc bậc cao) vào lúc tuổi độ hai mươi, được người đương thời gọi tôn là "Hắc Hổ" (vì ông sinh năm Dần và vì có nước da ngăm đen, vóc dáng hùng dũng).

- **Quan lộ**

Lúc mới ngoài 20 tuổi, ông đã được phong chức Cai cơ với những công trạng lập được trong chiến trường Trịnh-Nguyễn.

Trước năm Nhâm Thân 1692, ông đã được phong tước là Lễ Tài Hầu (với chữ Tài có chỗ viết là Thành hoặc Hòa)

Năm Nhâm Thân 1692, ông được phong làm Thống binh cầm quân dẹp loạn Chiêm Thành, bình định biên cương

Năm Giáp Tuất 1694, ông được thăng làm Chương cơ, lãnh chức Trấn thủ dinh Bình Khang

Năm Canh Thìn 1700, ông bị bệnh mà mất, hưởng dương 51 tuổi. Khi mất, ông được triều đình phong tặng mỹ hiệu Hiệp tán công thần đặc tấn Chương dinh, thụy Trung Cẩn

Năm Minh Mạng 12 (Nhâm Thìn 1832), ông được truy phong thêm tước Vĩnh An Hầu.

- **Công trạng**

BÌNH ĐỊNH CHIÊM THÀNH

Vào những năm 1690-1691, vua Chiêm Thành là Kế Bà Tranh thường đem quân vượt biên giới, sát hại dân Việt ở Diên Ninh (Diên Khánh). Đầu năm 1692, chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) phái Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân bình định biên cương, thành lập trấn Thuận Thành (đất Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay).

Theo sách Đại Nam thực lục:

Nhâm thân, năm thứ 1 [1692], Mùa thu, tháng 8, vua nước Chiêm Thành là Bà Tranh làm phản, họp quân đắp lũy, cướp giết cư dân ở phủ Diên Ninh. Dinh Bình Khang đem việc báo lên. Chúa sai Cai cơ Nguyễn Hữu Kính (con Nguyễn Hữu Dật bấy giờ gọi là Lễ tài hầu; chữ Tài, có chỗ viết là Thành, lại là Hòa) làm Thống binh, lấy văn chức Nguyễn Đình Quang làm Tham mưu suất lĩnh quân Chính dinh, cùng quân Quảng Nam và Bình Khang đi đánh.

Mùa đông, tháng 12, lấy Lê Hoàn Giảng và Nguyễn Khoa Chiêm làm thủ hợp Chính dinh.

Quý dậu, năm thứ 2 [1693], mùa xuân, tháng giêng, bọn Thống binh Nguyễn Hữu Kính đánh bại Chiêm Thành, Bà Tranh bỏ thành chạy.

Tháng 3, Nguyễn Hữu Kính bắt được Bà Tranh và bày tội là Tả trà viên Kế Bà Tử với thân thuộc là Nàng mi Bà Ân đem về. Chúa sai đổi nước ấy làm trấn Thuận Thành.

Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Hữu Kính đến cửa khuyết dâng chiến tù Chiêm là bọn Bà Tranh. Chúa sai kế tội và giam ở núi Ngọc Trản, hàng tháng cấp cho tiền gạo vải lụa đủ dùng.

Sai Cai đội Nguyễn Trí Thắng giữ Phố Hải, Cai cơ Nguyễn Tân Lễ giữ Phan Rí, Cai đội Chu Kiêm Thắng giữ Phan Rang (Phố Hải, Phan Rí, Phan Rang, nay đều thuộc Bình Thuận) để phòng dư đảng của Thuận Thành.

Bình định vừa xong, một nhóm người Thanh, đứng đầu là A Ban xúi giục bè đảng dấy loạn. Nguyễn Hữu Cảnh lại nhận lệnh đi đánh dẹp, rồi được cử làm Trấn thủ dinh Bình Khương (còn được gọi Bình Khang, nay là vùng Khánh Hòa-Ninh Thuận). Theo sách Đại Nam thực lục:

Quý dậu, năm thứ 2 [1693], Tháng 12, người Thanh là A Ban cùng với Hữu trà viên là óc Nha Thát ở Thuận Thành nổi loạn. Trước là A Ban đến ở Thuận Thành, vốn cùng óc Nha Thát đi lại rất thân. Từ lúc Bà Tranh bị bắt, hai người đều chạy về đất Đại Đồng, A Ban đổi tên là Ngô Lãng tự xưng mình có phép hô phong hoán vũ, gươm đao không thể làm bị thương. Người Thuận Thành là Chế Vinh kêu họp dân man đi theo. Đến bấy giờ đem đồ đảng cướp Phố Hải. Cai đội Nguyễn Trí Thắng đem quân chống đánh. A Ban giả dò thua, Trí Thắng đuổi theo bị phục binh giết chết. Cai đội dinh Bà Rịa tên là Dục và thư ký là Mai (không rõ họ) đem quân đến cứu viện, đều chết cả. A Ban bèn vào Phan Rí, lo rằng cai cơ Nguyễn Tân Lễ sức mạnh, mình không chống nổi, bèn sai con gái người dân Thuận Thành bỏ thuốc độc vào quả chuối cho Tân Lễ ăn. Tân Lễ bị câm. A Ban lại tung nhiều tiền bạc để ngầm kết với quân Tân Lễ làm nội ứng. Đến khi đánh, Tân Lễ bị bọn phản binh đâm chết, dinh trại của cải bị đốt và cướp gần hết. A Ban lại kéo quân đến Phan Rang. Cai đội Chu Kiêm Thắng vì quân ít không ra, đóng cửa thành tự thủ. Gặp Khám lý Kế Bà Tử vừa đến, Kiêm Thắng bắt trời ở ngoài cửa thành bảo sẽ đem chém. óc Nha Thát sợ [Kế Bà Tử] bị giết, nói với A Ban bỏ vây đi. Kiêm Thắng bèn thả Kế Bà Tử về.

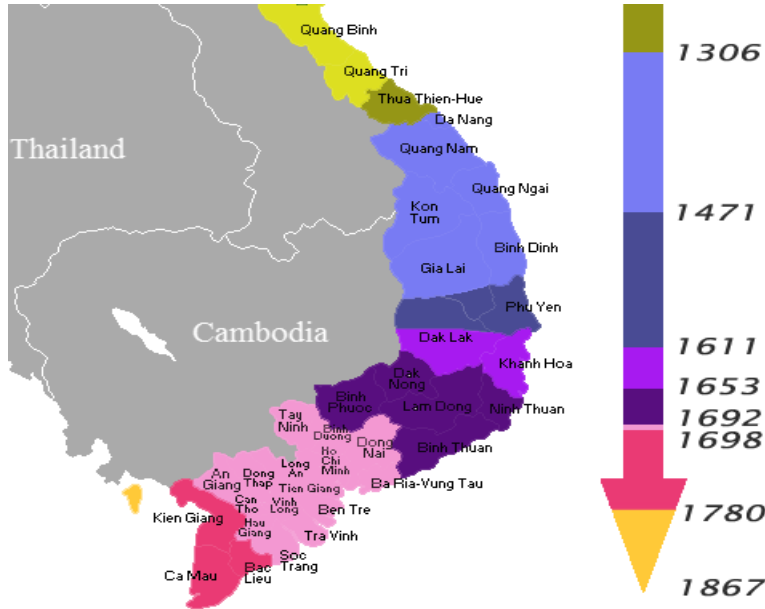
Giáp tuất, năm thứ 3 [1694], A Ban lại vây Phan Rang. Cai đội Chu Kiêm Thắng báo tin gấp về dinh Bình Khang. Trấn thủ Nguyễn Hữu Oai và Lưu thủ Nhuận (không rõ họ) tiến binh theo thượng đạo để cứu viện. A Ban bèn lui về Bào Lạc. Phan Rang được giải vây. Rồi Hữu Oai bị bệnh chết.

Tháng 2, A Ban tiến giữ lũy Ô Liêm. Lưu thủ Nhuận và các cai cơ Tổng Tuân và Nguyễn Thành chia quân giáp đánh. A Ban chạy về Phố Châm. Quân ta đuổi theo sát. Giặc lại chạy về Thượng Dã (tiếp địa giới Chân Lạp). Nhuận bèn về, đem việc báo lên. Chúa lại ra lệnh cho Cai cơ Nguyễn Hữu Kính, và văn chức Trinh Tường (không rõ họ) tiện nghi xử trí. Cai cơ Nguyễn Thắng Hồ đem quân tiến đánh, đảng giặc dẹp yên.

Thăng Nguyễn Hữu Kính làm Chương cơ, lãnh Trấn thủ dinh Bình Khang.

XÁC LẬP CHỦ QUYỀN VÙNG ĐẤT MỚI Ở NAM BỘ

Theo *Đại Nam Thực lục Tiền biên* thì vào tháng 2 năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu phong Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất, cử vào kinh lược xứ Đồng Nai



Theo đường biên, thuyền của Nguyễn Hữu Cảnh đi ngược dòng Đồng Nai đến ở tại Cù lao Phố, là một cảng sầm uất nhất miền Nam bấy giờ. Từ đây, Nguyễn Hữu Cảnh đã ra sức ổn định dân tình, hoạch định cương giới xóm làng, *lấy đất Nông Nại* đặt làm *Gia Định phủ*, lập xứ *Đồng Nai* làm huyện *Phước Long*, dựng dinh *Trấn Biên*, *lấy đất Sài Gòn* làm huyện *Tân Bình*, dựng dinh *Phiên Trấn*. Mỗi dinh đặt chức *Lưu thủ*, *Cai bạ* và *Ký lục* để quản trị. Nha thuộc có 2 ty là *Xá sai ty* (coi việc văn án, tù tụng, dưới quyền quan *Ký lục*) và *Lại ty* (coi việc tài chính, do quan *Cai bạ* đứng đầu). Quân binh thì cơ, đội, thuyền, thủy bộ tinh binh và thuộc binh để hộ vệ. Đất đai mở rộng ngàn dặm, cho chiêu mộ lưu dân từ *Bố Chánh* châu trở vô, đến ở khắp nơi, đặt ra phường, ấp, xã, thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh, điền và lập bộ tịch đình điền. Từ đó con cháu người Hoa ở nơi *Trấn Biên* thì lập thành xã *Thanh Hà*, ở nơi *Phiên Trấn* thì lập thành xã *Minh Hương*, rồi ghép vào sổ hộ tịch

Sách *Đại Nam liệt truyện* (Tiền biên, quyển 1) ghi công: Nguyễn Hữu Cảnh đã chiêu mộ dân phiêu tán từ châu *Bố Chánh* (nay là *Quảng Bình*) trở vào Nam vào đất ấy (tức đất *Trấn Biên* và *Phiên Trấn*), rồi đặt xã thôn, phường ấp, định ngạch tô thuế và ghi tên vào sổ đình. Và cũng theo *Trịnh Hoài Đức* thì nhờ Nguyễn Hữu Cảnh mà đất đai mở rộng hơn ngàn dặm, dân số có thêm bốn vạn hộ.

Sách *Đại Nam thực lục* ghi:

Mậu dân, năm thứ 7 [1698],

Tháng 2, sai Cai cơ thủy quân là Nguyễn Hữu Khánh và Nguyễn Cửu Vạn giữ các cửa biển.

Bắt đầu đặt phủ Gia Định. Sai Thống suất Nguyễn Hữu Kính kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long (nay thăng làm phủ), dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những dân xiêu dạt từ Bố Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xã thôn phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệnh thuế tô dung, làm sổ đinh điền. Lại lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn, lập làm xã Minh Hương (nay là). Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ [của ta].

BÌNH ĐỊNH CHÂN LAP VÀ QUA ĐỜI

Năm 1699, vua Chân Lạp là Nặc Thu (Ang Saur, có sách ghi Nặc Ong Thu - Chey Chettha IV) đem quân tiến công Đại Việt. Trước đó, năm 1689, anh trai của Nguyễn Hữu Cảnh là Nguyễn Hữu Hào đã theo lệnh chúa Nguyễn đi bình định Nặc Thu nhưng không thành công.

Chúa Nguyễn Phúc Chu lại cử Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống binh, cùng với Phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân lính, thuyền chiến hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc đánh dẹp và an dân. Và thủy binh của Nguyễn Hữu Cảnh đã tiến thẳng đến thành La Bích (Nam Vang), đánh tan quân của Nặc Thu.

Sách Đại Nam thực lục chép:

Kỷ mao, năm thứ 8 [1699], mùa thu, tháng 7, Nặc Thu nước Chân Lạp làm phản, đắp các lũy Bích Đồi, Nam Vang và Cầu Nam, cướp bóc dân buôn. Tướng Long Môn là Trần Thượng Xuyên đóng giữ Doanh Châu (nay thuộc Vĩnh Long) đem việc báo lên.

Mùa đông, tháng 10, lại sai Nguyễn Hữu Kính làm Thống suất, Cai bạ Phạm Cẩm Long làm Tham mưu, Lưu thủ Trấn Biên là Nguyễn Hữu Khánh làm tiên phong, lãnh quân hai dinh Bình Khang, Trấn Biên, và thuộc binh 7 thuyền dinh Quảng Nam, cùng với tướng sĩ Long Môn đi đánh.

Canh thìn năm thứ 9 [1700], tháng 2, Nguyễn Hữu Kính đem quân các đạo tiến vào nước Chân Lạp, đóng ở Ngự Khê (2. Ngự Khê: Rạch Cá. 2), sai người dò xét thực hư, chia đường tiến quân.

Tháng 3, Thống binh Trần Thượng Xuyên cùng quân giặc đánh liên tiếp nhiều trận đều được. Khi quân ta đến lũy Bích Đồi và Nam Vang, Nặc Thu đem quân đón đánh. Nguyễn Hữu Kính mặc nhung phục đứng trên đầu thuyền, vung gươm vẩy cờ, đốc các quân đánh gấp, tiếng súng vang như sấm. Nặc Thu cả sợ, bỏ thành

chạy. Nặc Yêm (con vua thứ hai Nặc Nộn) ra hàng, Hữu Kính vào thành, yên vỗ dân chúng.

Mùa hè, tháng 4, Nặc Thu đến cửa quân đầu hàng, xin nộp cống. Nguyễn Hữu Kính báo tin thắng trận rồi lui quân đóng đồn ở Lao Đồi, kinh lý việc biên giới.

Sau khi vua Chân Lạp qui hàng, Nguyễn Hữu Cảnh cho thuyền ghé lại thăm nom, khích lệ dân chúng, dù Khmer, Hoa hay Việt, hãy cùng nhau gìn giữ tinh thần thân thiện, tắt lửa tối đèn có nhau. Những hành động khoan hòa, thiết thực, những cử chỉ ưu ái thật lòng của ông đã làm cho đồng bào vô cùng cảm mến.

Tháng 4 năm Canh Thìn (1700), Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân về đóng ở cồn Cây Sao (sử cũ gọi Cù lao Sao Mộc hay Tiêu Mộc hoặc châu Sao Mộc, sau dân địa phương nhớ ơn ông, nên gọi là Cù lao Ông Chưởng, nay thuộc Chợ Mới, An Giang), và báo tin thắng trận về kinh.

Theo Gia Định thành thông chí, thì:

Ở đây một thời gian ông bị "nhiễm bệnh, hai chân tê bại, ăn uống không được. Gặp ngày Tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) ông miễn cưỡng ra dự tiệc để khuyến lạo tướng sĩ, rồi bị trúng phong và thổ huyết, bệnh tình lần lần trầm trọng.

Ngày 14 ông kéo binh về, ngày 16 đến Sầm Giang (Rạch Gầm, Mỹ Tho) thì mất. Khi ấy chở quan tài về tạm trú ở dinh Trấn Biên (Biên Hòa), rồi đem việc tâu lên, chúa Nguyễn Phúc Chu rất thương tiếc, sắc tặng là Hiệp táncông thần, thụy là Trung Cẩn, hưởng 51 tuổi. Người Cao Miên lập miếu thờ ông ở đầu châu Nam Vang. Nơi cù lao ông nghỉ bệnh, nhân dân cũng lập đền thờ, được mạng danh là Cù lao ông Lễ. Còn chỗ đình quan tài ở dinh Trấn Biên cũng lập miếu thờ.

Sách Đại Nam thực lục chép:

Canh thìn năm thứ 9 [1700], Tháng 5, Thống suất chưởng cơ Nguyễn Hữu Kính chết. Đầu là Hữu Kính đóng quân ở Lao Đồi, gặp mưa to gió lớn, núi Lao Đồi lở tiếng kêu như sấm. Đêm ấy mộng thấy một người mặt đỏ mày trắng, tay cầm cái phủ việt bảo rằng: "Tướng quân nên kíp đem quân về, ở lâu đây không lợi". Hữu Kính cười nói rằng: "Mệnh ở trời, có phải ở đất này đâu?". Khi tỉnh dậy, thân thể mỗi mệt, nhưng vẫn cười nói như thường để giữ yên lòng quân. Kịp bệnh nặng, bèn than rằng: "Ta muốn hết sức báo đền ơn nước nhưng số trời có hạn, sức người làm được gì đâu?". Bèn kéo quân về, đi đến Sầm Khê (1. Rạch Gầm. 1) (thuộc tỉnh Định Tường) thì chết, bấy giờ 51 tuổi. Chúa nghe tin thương tiếc, tặng Hiệp táncông thần đặc tiến chưởng dinh, thụy là Trung cẩn. Cho vàng lụa để hậu táng. Về sau thiêng lắm, người Chân Lạp lập đền thờ (năm Gia Long thứ 5 được tòng tự ở Thái miếu: Năm Minh Mệnh thứ 12, phong Vĩnh An hầu).



Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (Còn gọi là Đình Bình Kính) thuộc địa phận xã Hiệp Hòa (Cù lao Phố)



Tượng Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh trong đình Bình Kính, xã Hiệp Hòa, Biên Hòa

Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh là một trong số ít những di tích ở Biên Hòa còn lưu giữ được sắc thần, trong đó ghi rõ tên họ, chức tước vinh hiển, thứ bậc Thượng

đăng thần của vua ban phong cho Nguyễn Hữu Cảnh. Hằng năm, tại đình tổ chức lễ hội vào ngày 16,17 tháng 5 và ngày 11 tháng 11 (âm lịch) để tưởng nhớ công lao, đức trọng của vị khai quốc công thần, có công lớn với cả xứ Nam Bộ. Di tích đình Bình Kính được xếp hạng cấp quốc gia theo quyết định số 457 – QĐ của Bộ Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch ngày 25 tháng 3 năm 1991.

- **Công lao của Nguyễn Hữu Cảnh**

Nguyễn Hữu Cảnh là người có công lao to lớn trong việc hoàn tất về mặt pháp lý trước một sự thế: “*Dân khai mở trước, nhà nước quản lý sau*” ở vùng Đồng Nai - Gia Định, mở mang biên cương, lãnh thổ nước Việt trong một thời kỳ lịch sử đầy biến động vào nửa cuối thế kỷ XVII. Từ đây, đất Đồng Nai chính thức có nền hành chính trong tổng thể chung của nhà nước do chúa Nguyễn quản lý. Cộng đồng di dân Việt trở thành cộng đồng chủ nhân vùng đất Đồng Nai – Gia Định.

Trong chuyên kinh lược này, Nguyễn Hữu Cảnh đã lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, *lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên*; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Trong đó, *Huyện Phước Long với dinh Trấn Biên* được nhắc đến trong việc thiết lập bộ máy của Nguyễn Hữu Cảnh vào năm 1698 là tiền thân của tỉnh Biên Hòa trước đây và tỉnh Đồng Nai sau này. Vùng đất Biên Hòa xưa có tên gọi là dinh Trấn Biên thuộc huyện Phước Long, phủ Gia Định. Dinh là trại quan quân. Huyện Phước Long có địa giới được ước định khá rộng thuộc miền Đông Nam Bộ ngày nay, gồm: tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận; một phần thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm quận 2, 9 và quận Thủ Đức hiện nay).

Thực hiện chuyên kinh lược phương Nam do chúa Nguyễn Phúc Chu sai phái vào năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh gắn liền tên tuổi của mình với vùng đất Đồng Nai nói riêng và Nam bộ nói chung. Với những công lao to lớn, chính Nguyễn Hữu Cảnh đã góp phần quan trọng trong tiến trình Nam tiến lịch sử thời các chúa Nguyễn.

- ❖ **Những hiểu biết của bạn về địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ năm 1668 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay**

- **Sự thay đổi đơn vị hành chính từ năm 1698 đến năm 1861.**

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) vào kinh lý vùng đất hoang hóa phương Nam. Ông đặt miền đất mới - nay là Nam bộ, thành phủ Gia Định gồm hai huyện:

- Huyện Tân Bình ở phía tây sông Sài Gòn (nguồn là sông Thúy Vọt mà Tu Trai Nguyễn Tạo dịch là Băng Bột) gồm tỉnh Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An... ngày nay. Huyện Tân Bình đặt dinh Phiên Trấn.

- Huyện Phước Long ở phía đông sông Sài Gòn, gồm các tỉnh Đồng Nai,

Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận, các quận 2, 9, Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh bây giờ. Huyện Phước Long đặt dinh Trấn Biên.

Giữa thế kỷ XVIII, đất Gia Định (tức Nam bộ) chia làm ba dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ (dinh Long Hồ là vùng đất mở rộng ra, sau thành Vĩnh Long). Vùng Hà Tiên xa xôi đặt làm trấn Hà Tiên (do một đô đốc cai quản).

Năm 1788, chúa Nguyễn chia đất Gia Định làm bốn dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn (dinh Long Hồ đổi tên), Trấn Định (cắt một phần đất dinh Long Hồ từ mạn Cần Thơ xuống Sóc Trăng) và trấn Hà Tiên có từ trước.

Vào thời các chúa Nguyễn (trước năm 1802), sự thay đổi địa lý hành chính không xảy ra ở huyện Phước Long, chỉ có huyện Tân Bình do được mở rộng nên chia thành nhiều dinh mới. Người ta chưa tìm thấy tài liệu có hệ thống nào đề cập tới cấp tổng, thôn, xã ở huyện Phước Long.

Năm 1808, nhà Nguyễn đổi phủ Gia Định ra Gia Định thành, các dinh (nơi đóng quân) đổi ra trấn, đơn vị hành chính có tính quân quản cấp tỉnh. Như vậy, dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa.

Huyện Phước Long thăng làm phủ Phước Long. Bốn tổng: Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An (của huyện Phước Long cũ) nâng thành bốn huyện.

Năm Gia Long thứ 7 (1808) nâng huyện Phước Long lên phủ, nâng 4 tổng lên huyện là huyện Phước Chánh (trước là tổng Tân Chánh), huyện Bình An, huyện Long Thành và huyện Phước An. Triều Minh Mạng lập thêm phủ Phước Tuy, các huyện Phước Bình, huyện Ngãi An, huyện Long Khánh.

Năm 1832, trấn đổi thành tỉnh - đơn vị hành chính có tính dân sự - trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa, gồm một phủ Phước Long và 4 huyện.

Năm 1837, tỉnh Biên Hòa đặt thêm phủ Phước Tuy (trên cơ sở huyện Phước An cũ) và thêm hai huyện: Long Khánh (cắt từ một phần huyện Phước An cũ) và Ngãi An (tách từ huyện Bình An cũ ra). Như vậy, năm này, tỉnh Biên Hòa có hai phủ:

- Phủ Phước Long có các huyện: Phước Chánh, Bình An, Ngãi An.
- Phủ Phước Tuy có các huyện: Long Thành, Phước An, Long Khánh.

Năm 1838, phủ Phước Long có thêm huyện Phước Bình (cắt từ huyện Phước Chánh và Bình An).

Năm 1840, có 81 làng đồng bào dân tộc ít người quy thuộc đặt thành bốn phủ: Tân Bình, Tân Định, Tân Thuận, Tân Lợi (nay thuộc tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước).

Năm 1851, bỏ ba huyện: Phước Bình, Long Khánh và Ngãi An.

Vùng đất phương Nam hoang hóa, xa xôi, sau hơn một thế kỷ đã trở thành vùng kinh tế phát triển sôi động, dân số phát triển, nhiều làng xã mới ra đời đã sinh ra các tổng mới, tổng nâng thành huyện, huyện nâng thành phủ. Dân đông, ruộng nhiều, sản xuất ra nhiều thóc gạo và nông lâm sản khác. Để bảo đảm nguồn thu cho nhà nước, năm 1836, triều đình quyết định lập địa bạ ở Nam kỳ, năm chắc tỉnh Biên Hòa có 13.427 mẫu 1 sào 6 thước 5 tấc ruộng đất thực canh, hơn 686 mẫu dân cư thổ... và cũng quản lý chặt chẽ hơn về hành chánh: biết rõ tỉnh gồm mấy phủ, mấy huyện, bao nhiêu tổng, thôn, xã...

Sách "Gia Định thành thông chí" (1820) của Trịnh Hoài Đức là cuốn địa chí đầu tiên ghi tỉ mỉ các huyện, tổng, xã, thôn toàn Nam bộ. Sách giới thiệu khái quát tỉnh Biên Hòa: "Từ đông đến tây cách 542 dặm rưỡi, từ bắc đến nam cách 587 dặm rưỡi, phía đông giáp núi Thần Mẫu, lập trạm Thuận Biên, chạy dài ra phía bắc đều là sách động của sơn man, phía nam giáp trấn Phiên An, trên từ suối Băng Bột, qua Đức giang đến Bình giang bẻ quanh về ngã ba Nhà Bè, thẳng xuống vùng biển Cần Giờ qua Vũng Tàu qua Thất sơn lấy một giải sông dài làm giới hạn. Phần đất ở bờ phía bắc sông là địa giới trấn Biên Hòa, phía đông giáp biển, phía tây đến sơn man".

Tỉnh Biên Hòa gồm 1 phủ, 4 huyện, 8 tổng, 307 thôn, xã, phường.

- Huyện Phước Chánh "Phía đông giáp bên đò Thị Nghĩa, chợ thôn Bình Dương, tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành đến sát núi rừng, phía tây giáp man sách đầu nguồn; phía nam giáp huyện Bình An từ núi Chiêu Thái (Châu Thới) liền đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên; phía bắc giáp man sách rừng lớn".

Huyện Phước Chánh có 2 tổng: Tổng Phước Vĩnh có 46 thôn; Tổng Chánh Mỹ có 36 thôn.

- Huyện Bình An "Phía đông giáp tổng Thành Tuy, huyện Long Thành từ sông Thị Lộ nối đến giồng Ông Tố; phía tây giáp sách man trên nguồn Băng Bột; phía nam giáp Bình giang, trấn Phiên An; phía bắc giáp tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh từ núi Châu Thới đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên".

Huyện Bình An có 2 tổng: Tổng Bình Chánh có 50 xã, thôn; Tổng An Thủy có 69 xã, thôn, phường.

- Huyện Long Thành "Phía đông giáp tổng An Phú, huyện Phước An từ núi Thị Vải (Nữ Ni) đến ngã Bảy; phía tây giáp núi Lương Ni, tổng An Thủy, huyện Bình An; phía nam giáp sông lớn huyện Nhà Bè; phía bắc giáp xứ Ao Ca, tổng Phước Vĩnh, huyện Phước Chánh.

Huyện Long Thành có 2 tổng: Tổng Long Vĩnh có 34 thôn, phường; Tổng Thành Tuy có 29 thôn.

- Huyện Phước An "Phía đông giáp biển; phía tây giáp núi Cam La và núi Thị Vải đến cửa sông ngã Bảy, phía nam giáp trấn Phiên An dọc theo phía bắc vùng biển Cần Giờ; phía bắc giáp man sách thủ sông Mực".

Huyện Phước An có 2 tổng: Tổng An Phú có 21 thôn, xã; Tổng Phước Hưng có 22 xã, thôn, phường.

Địa bạ tỉnh Biên Hòa năm 1836 cho biết: tỉnh Biên Hòa có 1 phủ Phước Long, 4 huyện, 22 tổng, 285 thôn, xã.

Huyện Phước Chánh gồm 6 tổng: Tổng Chánh Mỹ Thượng có 12 thôn, xã. Tổng Chánh Mỹ Trung có 17 thôn, xã. Tổng Chánh Mỹ Hạ có 16 thôn, xã. Tổng Phước Vinh Thượng có 22 xã, thôn, phường. Tổng Phước Vinh Trung có 16 thôn, phường. Tổng Phước Vinh Hạ có 18 thôn, phường.

Huyện Bình An gồm 8 tổng: Tổng An Thủy Thượng có 6 thôn. Tổng An Thủy Hạ có 8 thôn, xã. Tổng An Thủy Trung có 17 thôn. Tổng An Thủy Đông có 13 thôn, xã. Tổng Bình Chánh Thượng có 9 thôn, xã. Tổng Bình Chánh Trung có 12 ấp, thôn. Tổng Bình Chánh Hạ có 12 thôn, xã. Tổng Bình Chánh Tây có 22 ấp, thôn, xã.

Huyện Long Thành gồm 4 tổng: Tổng Long Vĩnh Thượng có 17 hộ, thôn. Tổng Long Vĩnh Hạ có 11 thôn, phường, xã. Tổng Thành Tuy Thượng có 12 thôn. Tổng Thành Tuy Hạ có 13 thôn, ấp. Huyện Phước An có 4 tổng: Tổng An Phú Thượng có 12 thôn, xã, phường. Tổng An Phú Hạ có 8 thôn. Tổng Phước Hưng Thượng có 10 thôn, xã. Tổng Phước Hưng Hạ có 12 thôn, xã, phường.

Bảng: Sự thay đổi địa lý lịch sử đồng Nai 1698 -1851

Năm 1698	Năm 1808	Năm 1832	Năm 1837	Năm 1838	Năm 1851
Dinh Trấn Biên	Trấn Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa
H. Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long
	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh
				H. Phước Bình	
	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An
			H. Ngãi An	H. Ngãi An	

			Phủ Phước Tuy	Phủ Phước Tuy	Phủ Phước Tuy
	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành
	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An
				H. Long Khánh	

Sau khi người Pháp chiếm 6 tỉnh Nam kỳ, họ cải tổ các đơn vị hành chính cho phù hợp với chế độ thuộc địa. Sau nhiều lần thay đổi và thăm dò hiệu quả, cuối cùng trên địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ, có 3 tỉnh mới là tỉnh Biên Hòa, tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa. Trong giai đoạn đầu họ bỏ cấp huyện, chỉ giữ lại cấp tổng và cấp làng xã. Vì gặp khó khăn trong việc điều hành, cuối cùng họ phải tái lập cấp huyện và gọi là quận. Đó là quận Núi Chứa Chan, quận Phú Riêng, quận Võ Đắc, quận Châu Thành, quận Long Thành, quận Tân Uyên.

• Sự thay đổi đơn vị hành chính từ năm 1861 đến 1954

Thời kỳ 1861-1945.

Ngày 18-12-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha hạ thành Biên Hòa. Ngày 7- 1-1862, thành Bà Rịa bị mất vào tay giặc.

Sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, thực dân Pháp ép triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất (9-5-1862) với các điều khoản nặng nề:

- Nước Nam phải nhường đứt cho Pháp ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và phải để chiến thuyền Pháp tự do ra vào sông Mê Kông.
- Nước Nam không được đem binh khí, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho Pháp....

Vì còn lo xâm lược, soái phủ Nam kỳ vẫn giữ các đơn vị hành chính cũ của triều Nguyễn.

Công báo Pháp năm 1863 ghi: “Tỉnh Biên Hòa gồm 2 phủ, 4 huyện như cũ”

Năm 1864, đô đốc Lagrandière chia ba tỉnh miền Đông Nam kỳ thành 7 tiểu khu chỉ huy (cercles de commandement). Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu: Biên Hòa và Bà Rịa. Việc phân chia này phục vụ ý đồ quân quản; đứng đầu tiểu khu lần lượt là các sĩ quan: đại tá Domenech Diego, thiếu tá Loubère, thiếu úy Charlier, đại úy Garrido, thiếu tá Philastre... vì: "Những người An Nam có học, tầng lớp trí thức trung thành với luật pháp xứ sở họ, chỉ có thể xem chúng ta như kẻ thù; tầng lớp có khả năng cai trị thì vắng mặt hay có ác cảm"... " Theo lệnh triều đình Huế, các nhà nho và quan lại đã biến đi, vì thế

đồng loạt không chịu hợp tác".

Năm 1865, để cho việc cai trị có bộ mặt dân sự, soái phủ Nam kỳ chia ba tỉnh miền Đông thành 13 sở tham biện. Tỉnh Biên Hòa có 5 sở tham biện (inspections: sở thanh tra, NV chú): Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành, Bảo Chánh.

Tháng 6-1866, tỉnh Biên Hòa được chia làm 6 địa hạt (arrondissements): Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức, Bình An, Bảo Chánh.

Năm 1867, tỉnh Biên Hòa có 5 sở tham biện:

- Sở tham biện Biên Hòa ở tỉnh lỵ Biên Hòa (xã Bình Trước, huyện Phước Chánh) có 6 tổng, 100 thôn, xã.

- Sở tham biện Bà Rịa ở tỉnh lỵ Bà Rịa (huyện Phước An) có 4 tổng Việt Nam, 3 tổng Thượng, 57 thôn, xã.

- Sở tham biện Long Thành ở làng Long Thành, huyện Long Thành có 5 tổng Việt Nam, 5 tổng Thượng, 105 thôn, xã.

- Sở tham biện Bình An ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một có 7 tổng, 71 thôn, xã.

- Sở tham biện Nghĩa An, lỵ sở ở Thủ Đức, huyện Nghĩa An cũ có 4 tổng, 35 thôn, xã (nhập về Sài Gòn theo quyết định ngày 29-10-1868).

Năm 1887, cả Nam kỳ có 2 sở tham biện. Từ Bà Rịa tách ra sở tham biện Cap Saint Jacques (Ô Cấp, Vũng Tàu).

Ngày 1-11-1899, tỉnh Đồng Nai Thượng (Haut Donnai) được thành lập gồm toàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay và huyện Tân Phú, phần lớn huyện Định Quán (tỉnh Đồng Nai) bây giờ. Tỉnh lỵ đặt tại Djiring (Di Linh). (Năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nhập vào tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, tỉnh này được thành lập lại).

Ngày 20-12-1899, nhà cầm quyền Pháp ra nghị định đổi tên sở tham biện thành tỉnh (province), chức chánh tham biện (inspecteur: thanh tra, NV chú) thành quan cai trị chủ tỉnh (administrateur-chef de province)

Bảng. Sự thay đổi địa lý lịch sử từ 1863 đến 1887

Năm 1863	Năm 1865	Năm 1866	Năm 1867	Năm 1871	Năm 1887
Tỉnh Biên Hòa					
Phủ Phước Long	Thủ Dầu Một	Bình An	Bình An	Thủ Dầu Một	Thủ Dầu Một
		Thủ Đức	Ngãi An		
	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa

	Bảo Chánh	Bảo Chánh			
Phủ Phước Tuy	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa
	Long Thành	Long Thành	Long Thành		
					Cap. St. Jacques

Năm 1881, tỉnh Biên Hòa có 9 tổng, 126 làng (theo bản đồ Boilluoux in năm 1881)

Năm 1897, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 168 làng (theo Lịch An Nam thông dụng năm 1897).

Năm 1901, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 151 làng (theo Monographie de la province de Biên Hòa, 1901).

Năm 1924, Biên Hòa có 17 tổng, 172 làng (theo Monographie de la province de Biên Hòa, 1924).

Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên và núi Bà Rá, 16 tổng, 119 xã (theo Thời sự cầm nang, trong Tự vị tiếng Việt miền Nam, Vương Hồng Sển, 1992).

Theo tài liệu của tòa bố Biên Hòa đề ngày 15-9-1923 do ông Lê Văn Nhung cung cấp (lưu giữ tại Nhà Bảo tàng Đồng Nai) thì năm 1923, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 156 làng.

Từ khi Pháp cai trị tới năm 1945, các làng, xã nhiều lần nhập, tách.

• Thời kỳ 1945-1954.

Về phía Pháp.

Trong thời kỳ này, địa lý lịch sử tỉnh Biên Hòa chỉ có một thay đổi: năm 1951, quận Bà Rá đổi thành quận Sông Bé và cắt về tỉnh Thủ Dầu Một; năm 1953 quận Bà Rá lại chia đôi, thành hai quận Sông Bé và Bù Đốp (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một).

Năm 1951, diện tích tỉnh Biên Hòa còn khoảng 8.800km².

Trước khi quận Sông Bé sáp nhập, tỉnh Thủ Dầu Một rộng khoảng 2.500km², năm 1951 tỉnh Thủ Dầu Một rộng 4.723km².

Về phía chính quyền kháng chiến.

* Từ tháng 8-1945 đến cuối 1947.

Sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Ủy ban Hành chính tỉnh

Biên Hòa được thành lập. Bộ máy chính quyền cách mạng quận, xã được hình thành để xây dựng cuộc sống mới và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

Về địa lý hành chính gồm các quận, xã cơ bản được tổ chức như trước cách mạng, nhưng khác ở chỗ ta không có cấp tổng. Đến cuối năm 1947, không có sự thay đổi về địa lý hành chính.

Đến cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban Hành chính Nam bộ, tỉnh Biên Hòa lập quận Sông Bé ở phía đông và đông bắc chiến khu Đ (Lịch sử chiến khu Đ, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1997, trang 25)

*** Từ năm 1948 đến 1951.**

Nhận rõ vai trò vị trí quan trọng của tỉnh ly Biên Hòa, năm 1948 Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ quyết định chia quận Châu Thành làm hai đơn vị:

- Thị xã Biên Hòa, gồm xã Bình Trước có 5 khu nội ô và 8 ấp vùng ven.
- Huyện Vĩnh Cửu, gồm các xã còn lại của quận Châu Thành.

*** Từ 1951 đến 1954.**

Tháng 5-1951, Trung ương Cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ, gồm phân liên khu miền Đông và phân liên khu miền Tây, sáp nhập một số tỉnh lại.

Hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên, thuộc phân liên khu miền Đông. Tỉnh Thủ Biên có hai thị xã: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và 7 huyện: Hớn Quản, Bến Cát, Lái Thiêu, Thủ Đức, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc. Huyện Long Thành lúc này về tỉnh Bà - Chợ.

Tháng 7-1951, tỉnh Thủ Biên lập huyện căn cứ Đồng Nai rộng 3.700km², gồm huyện Hớn Quản và một số xã của huyện Tân Uyên.

• Thời kỳ từ 1954 đến 1975.

Về phía chính quyền Sài Gòn.

Từ đầu năm 1957 trở đi, chính quyền Sài Gòn chia nhỏ các tỉnh miền Nam thành các tỉnh mới, để phục vụ ý đồ chiến lược quân sự.

Tỉnh Biên Hòa chia thành hai tỉnh mới: Biên Hòa và Long Khánh với một số điều chỉnh địa giới. Cấp tổng tồn tại thêm ít năm rồi bị bãi bỏ; các quận cũng bị chia nhỏ. Các tỉnh trưởng, quận trưởng đều là sĩ quan các cấp được bổ nhiệm.

Các địa danh nôm na đều được thay bằng địa danh Hán – Việt. Thí dụ như: tỉnh Bà Rịa được thay bằng tỉnh Phước Tuy, tỉnh Thủ Dầu Một thay bằng tỉnh Bình Dương.

Tỉnh Long Khánh.

Nghị định số 131.BNV/HC/ND ngày 24-04-1957 ấn định tỉnh Long Khánh gồm 2 quận: Quận Xuân Lộc có tổng Bình Lâm Thượng. Quận Định Quán gồm tổng Bình Tuy và Tà Lài. Quận này do tỉnh Lâm Đồng cắt nhượng phần đất phía bắc sông La Ngà lên tới suối Đa Gui (vùng Mạ Đa Gui của tỉnh Lâm Đồng).

Nghị định số 931 NĐ/ĐUHC ngày 28-4-1967 lập quận Kiệm Tân.

Nghị định số 696 NĐ/NV ngày 31-12-1974 cải xã Gia Ray thành quận Bình Khánh, có hai xã mới Đồng Tâm, Xuân An (phân vạch trên giấy tờ, chưa kịp tổ chức lập bộ máy hành chính thì đã được giải phóng).

Tỉnh Biên Hòa (1956-1975), chia làm 6 tỉnh: Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long, Phước Long, Long Khánh, Phước Tuy.

Tỉnh Biên Hòa.

Nghị định số 140.BNV/HC/NĐ ngày 3-5-1957 ấn định tỉnh Biên Hòa gồm 4 quận: Châu Thành, Long Thành, Tân Uyên và Dĩ An (mới lập) có 11 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ, An Thủy, An Phước Hạ.

Sắc lệnh 204.NV ngày 9-9-1960 cho nhập hai quận: Cần Giò, Quảng Xuyên vào tỉnh Biên Hòa (nguyên hai quận này cắt từ tỉnh Gia Định về tỉnh Phước Tuy tháng 3-1958; sau đó trả về Gia Định ngày 17-11-1965).

Nghị định số 858.NV ngày 9-9-1960 đặt quận mới Nhơn Trạch (tách từ quận Long Thành).

Nghị định số 122.NV ngày 7-2-1963 đặt quận mới Công Thanh (tách từ một phần quận Châu Thành và một phần huyện Tân Uyên ở phía bờ trái sông Đồng Nai).

Nghị định số 267.NV ngày 22-3-1963 đổi tên quận Châu Thành ra quận Đức Tu (có thêm các xã: Tân Vạn, Bửu Hòa... ở bờ phải sông Đồng Nai).

Sắc lệnh số 192. NV ngày 10-10-1962 cắt tổng Long Vĩnh Hạ về quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.

Ngoài ra, tỉnh Biên Hòa có một số điều chỉnh địa giới và đổi tên xã.

Về phía cách mạng

Theo yêu cầu của chiến trường, địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ thay đổi rất nhiều lần từ sau hiệp định Genève tháng 7-1954.

Cho tới tháng 4-1955, tỉnh Thủ Biên vẫn giữ như trước.

Tháng 5-1955, tỉnh Thủ Biên tách thành hai tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Biên Hòa tồn tại đến tháng 9-1960.

Từ tháng 10-1960 đến tháng 3-1963, tỉnh Biên Hòa tách thành hai tỉnh: Biên Hòa và Long Khánh (theo ranh giới do chính quyền Sài Gòn phân vạch).

Từ tháng 9-1960 đến tháng 7-1961, lập lại tỉnh Thủ Biên do sáp nhập tỉnh Biên Hòa (mới) và tỉnh Thủ Dầu Một.

Từ tháng 7-1961, tỉnh Thủ Biên tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành.

(Tỉnh Phước Thành do chính quyền Sài Gòn lập theo sắc lệnh 25.NV ngày 23-11-1959 gồm ba quận.

- Quận Hiếu Liêm gồm 4 xã: Chánh Hưng, Thái Hưng (tổng Chánh Mỹ Hạ), Đại An, Trị An (thuộc tổng Phước Vĩnh Hạ, quận Tân Uyên).

- Quận Tân Uyên gồm 12 xã: Bình Khánh, Bình Long, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Thiện Tân (tổng Chánh Mỹ Trung), Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang (tổng Phước Vĩnh Hạ), Tân Hiệp, Tân Hòa Khánh (tỉnh Bình Dương cắt về).

- Quận Phú Giáo có 7 xã: Bình Mỹ, Phước Hòa, Vĩnh Hòa (tổng Chánh Mỹ Hạ), Tân Bình, Vĩnh Tân, một phần xã Lại An (tỉnh Bình Dương), An Bình (tỉnh Phước Long).

Thêm vào đó: một phần phía nam Bunard (tỉnh Phước Long) và vùng Tà Lài (tỉnh Long Khánh).

Tỉnh Phước Thành thuộc đệ nhất quân khu, giải thể theo sắc lệnh số 131.NV ngày 8-7-1965).

Từ tháng 3-1963 đến tháng 12-1963, ba tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa sáp nhập thành tỉnh Bà Biên.

Từ tháng 12-1963 đến tháng 10-1966, tỉnh Bà Biên lại tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Từ tháng 11-1966, ba tỉnh trên lại nhập thành tỉnh Bà Biên. Đến tháng 10-1967, lại tách thành tỉnh Bà Rịa-Long Khánh và tỉnh Biên Hòa (để chuẩn bị chuyển thành phân khu 4).

Tháng giêng 1965, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành đơn vị thuộc Trung ương Cục miền Nam gọi là U1 (U một). Đến tháng 10-1967, tỉnh U1 nhận thêm 2 huyện: Vĩnh Cửu và Trảng Bom.

Từ tháng 10-1967 đến tháng 5-1971, khu miền Đông giải thể. Địa bàn tỉnh Đồng Nai lúc này có U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom); huyện Xuân Lộc, Định Quán (thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh), phân khu 4 (Long Thành, Nhơn Trạch, các sở cao su Bình Sơn, một số xã nam Thủ Đức, quận 9 Sài Gòn). Việc lập các phân khu nhằm phục vụ cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Từ tháng 5-1971 đến tháng 10-1972, U1 nhập với phân khu 5 thành phân khu Thủ Biên (trong đó hai huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom nhập lại gọi tên Vĩnh Cửu); phân khu Bà Rịa-Long Khánh gồm ba thị xã: Long Khánh, Bà Rịa,

Vũng Tàu và 8 huyện: Xuân Lộc (gồm có cả huyện Định Quán), Long Thành (gồm có cả huyện Nhơn Trạch), Cao Su, Thủ Đức, Duyên Hải, Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc.

Từ tháng 10-1972 đến tháng 4-1975, lập lại các tỉnh: Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Biên Hòa có thị xã Biên Hòa, các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom (tháng 10-1973 đổi thành huyện Thống Nhất), Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Uyên, Cần Giờ.

Trong thời gian này lại có một số điều chỉnh như sau: Tháng 6-1973, tách tỉnh Biên Hòa thành Biên Hòa đô thị gọi là thành phố Biên Hòa trực thuộc Trung ương Cục và Biên Hòa nông thôn gồm các huyện còn lại. Tháng 10, Trung ương Cục thành lập tỉnh Tân Phú - tỉnh căn cứ gồm các huyện: Tân Uyên, Định Quán, Phú Giáo.

• Đồng Nai từ sau ngày giải phóng

Sau ngày 30-4-1975, địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Tân Phú.

Ngày 20-9-1975, Trung ương Cục ra quyết định số 16/QĐ.75 giải thể các khu, sáp nhập một số tỉnh cũ, thành lập tỉnh mới.

Tháng 1-1976, ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú hợp nhất thành tỉnh Đồng Nai.

- Năm 1976, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện, 1 quần đảo (Trường Sa), 154 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1979, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 1 quần đảo, 141 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1985, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã (Vĩnh An), 7 huyện, 147 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1990, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, 155 phường, xã, thị trấn.

- Năm 1992, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, 119 phường, xã, thị trấn.

Cho đến năm 1995, tỉnh Đồng Nai có những đơn vị hành chính sau đây:

- Thành phố Biên Hòa (đô thị loại II) có 23 phường 3 xã
- Huyện Vĩnh Cửu có 1 thị trấn, 1 phường, 8 xã.
- Huyện Thống Nhất có 1 thị trấn, 24 xã
- Huyện Long Thành có 1 thị trấn, 18 xã
- Huyện Nhơn Trạch có 12 xã
- Huyện Xuân Lộc có 1 thị trấn, 20 xã

- Huyện Long Khánh có 1 thị trấn, 17 xã
- Huyện Tân Phú có 1 thị trấn, 17 xã
- Huyện Định Quán có 1 thị trấn, 13 xã

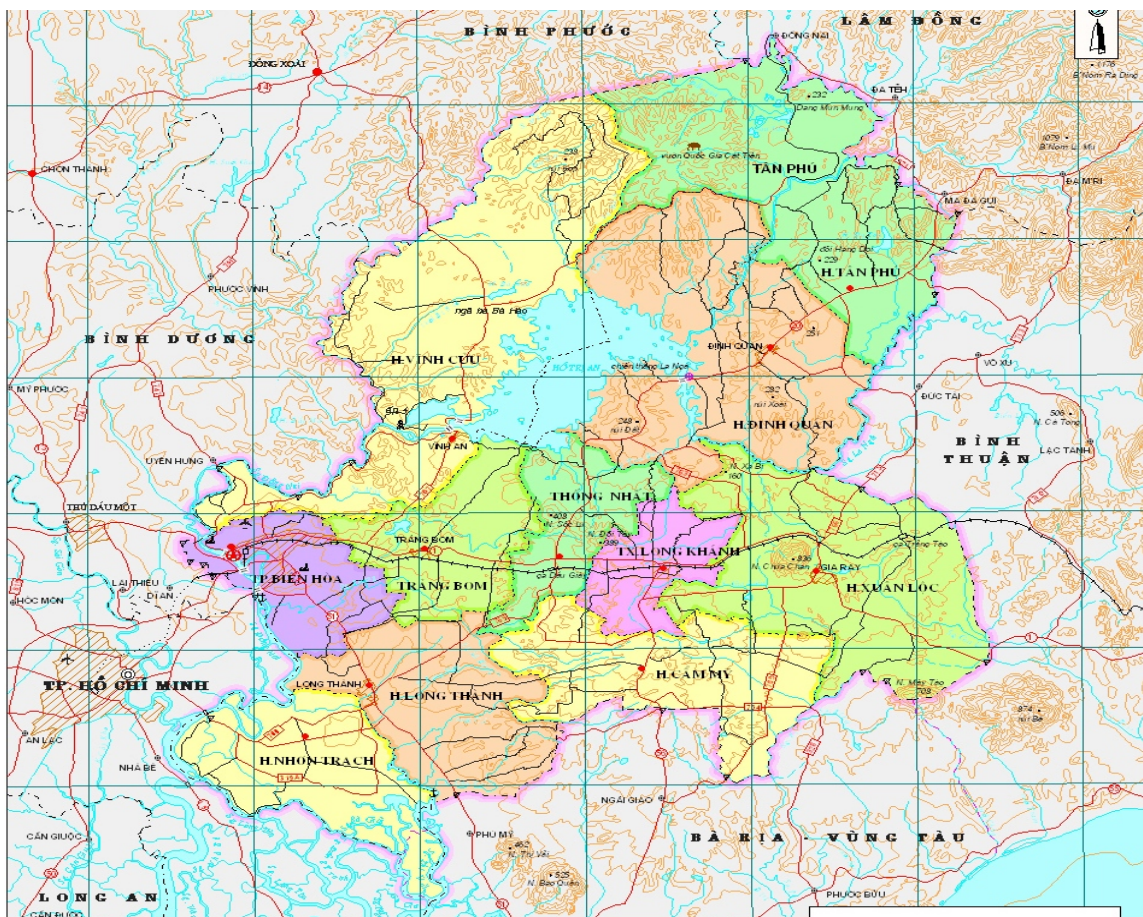
Ngày 21 tháng 8 năm 2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2003/NĐ - CP, thành lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc thị xã Long Khánh, thành lập các huyện Cẩm Mỹ, Trảng Bom.

Ngày 5 tháng 2 năm 2010, điều chỉnh địa giới thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành.

Năm 2014, thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc được công nhận là 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của cả nước

Ngày 30 tháng 12 năm 2015, thành phố Biên Hòa được công nhận là đô thị loại 1 và thị xã Long Khánh là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay, Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 1 thành phố và 1 thị xã và 9 huyện, chia làm 136 xã, 29 phường và 6 thị trấn.



Câu 2: Hãy trình bày những hiểu biết và cảm nhận của bạn về di tích Văn miếu Trấn Biên. Qua đó hãy nêu những việc cần làm của bạn trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích với mọi người.

❖ **Những hiểu biết về di tích Văn miếu Trấn Biên**

Văn miếu Trấn Biên là văn miếu đầu tiên được xây dựng (xây năm 1715) tại xứ Đàng Trong, để tôn vinh Khổng Tử, các danh nhân văn hóa nước Việt và làm nơi đào tạo nhân tài phục vụ cho chế độ. Năm 1861, nơi thờ phụng trên đã bị thực dân Pháp phá bỏ. Mãi đến năm 1998, Văn miếu Trấn Biên mới được khởi công khôi phục lại nơi vị trí cũ, và hoàn thành vào năm 2002. Hiện nay toàn thể khu vực uy nghi, đẹp đẽ và quy mô này, tọa lạc tại khu đất rộng thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Năm 1698, khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào đến xứ Đồng Nai, thì vùng đất ấy đã khá trù phú với một thương cảng sầm uất, đó là Cù lao Phố. Để có nơi bảo tồn, phát huy và tôn vinh các giá trị văn hóa giáo dục xưa và nay của dân tộc Việt ở vùng đất mới, 17 năm sau, tức năm Ất Mùi (1715), chúa Nguyễn Phúc Chu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Phạm Khánh Đức xây dựng Văn miếu Trấn Biên tại thôn Tân Lại, tổng Phước Dinh, huyện Phước Chánh (nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa) Đây là văn miếu đầu tiên được xây dựng tại xứ Đàng Trong, có trước cả văn miếu ở Vĩnh Long, Gia Định và Huế.

Trước năm 1802, hằng năm, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Nhưng từ khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế, thì quan tổng trấn thành Gia Định, thay mặt vua, cùng với trấn quan Biên Hòa và quan đốc học đến hành lễ...

Sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, ghi: *Văn miếu Trấn Biên được xây dựng tại thôn Tân Lại, tổng Phước Dinh, huyện Phước Chánh (nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa). Và theo mô tả của Đại Nam nhất thống chí, thì Văn miếu Trấn Biên được xây dựng trên thế đất đẹp: Phía nam trông ra sông Phước Giang, phía bắc dựa vào núi Long Sơn, là một nơi cảnh đẹp thanh tú, cỏ cây tươi tốt... Bên trong rường cột chạm trổ, tinh xảo... Trong thành trăm hoa tươi tốt, có những cây tùng, cam quýt, bưởi, hoa sứ, mít, xoài, chuối và quả hồng xiêm đầy rẫy, sum sê, quả sai lại lớn.... Trước năm 1802, hằng năm, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Nhưng từ khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế, thì quan tổng trấn thành Gia Định, thay mặt vua, cùng với trấn quan Biên Hòa và quan đốc học đến hành lễ... Tương tự Văn miếu Huế, bên cạnh có Quốc tử giám để giảng dạy học trò. ở Biên Hòa, bên cạnh Văn miếu Trấn Biên là Tỉnh học (trường học tỉnh Biên Hòa). Trường học lớn của cả tỉnh này mãi đến đời vua Minh Mạng mới dời về thôn Tân Lại (nay thuộc phường Hòa Bình, Biên Hòa). Như vậy, ngoài vai trò vai trò thờ phụng, Văn miếu Trấn Biên còn đóng vai trò như một trung tâm văn hóa, giáo dục của tỉnh Biên Hòa xưa và của cả Nam Bộ trước khi Văn miếu Gia Định ra đời vào năm 1824.*

Văn miếu Trấn Biên có hai lần được trùng tu lớn: Lần trùng tu thứ nhất vào năm Giáp Dần (1794). Khi ấy, chúa Nguyễn Phúc Ánh sai Lê bộ Nguyễn Hồng Đô lo việc trùng tu. Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý, 1852). Sau khi hoàn thành văn miếu có qui mô lớn hơn trước. Với hai lần trùng tu ấy Văn Miếu Trấn Biên đã được danh nhân Trịnh Hoài Đức ghi chép trong sử sách Gia Định Thành Thông Chí với một thể đất đẹp: “Phía Nam hướng đến sông Phước, Phía Bắc dựa vào núi rừng núi sông thanh tú là một cảnh tuyệt đẹp nhất ở Văn Miếu Trấn Biên..”

Vào năm 1861, khi thực dân Pháp xâm lược miền Đông Nam kì đánh chiếm Biên Hòa cho tàn phá văn miếu Trấn Biên nhằm thực hiện chính sách ngu dân và thống trị lâu dài. Với ý chí kiên cường bất khuất nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền. Vào ngày 9/12/1998, Đảng Ủy và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã khởi công xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm thành phố khoảng 3 km, và gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long trong phạm vi khoảng 2 ha, với số tiền đầu tư gần 20 tỷ đồng. Công trình được khánh thành vào ngày mùng 3 Tết Nhâm Ngọ (nhằm ngày 14 tháng 2 năm 2002) với tổng diện tích gần 15 ha, trong đó khu trung tâm rộng khoảng 2 ha.

Văn Miếu Trấn Biên ra đời được xem như là "Văn Miếu Quốc Tử Giám" của Nam Bộ. Đây chính là biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam. Văn Miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc. Với các công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc (gốm tráng men). Từ Văn miếu môn lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên Quang Tỉnh, cổng Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.



Văn Miếu Môn (Cổng Văn miếu): Với kết cấu lầu gác, đây là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong.



Văn Miếu Môn

Nhà Bia: Bài văn bia do giáo sư - anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu, được khắc trên hai mặt bia đá. Khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.



Nhà bia truyền thống Trấn Biên

Khuê Văn Các: gác vẽ đẹp ngôi sao Khuê ngôi sao chủ đạo trong bầu trời văn học.



Khuê Văn Các

Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng mặt trời) được xây dựng theo kết cấu hình vuông.

Đại Thành Môn: Lớp cổng của sự thành đạt lớn lao. Các nho sĩ ngày xưa khi đi thi đạt được trình độ học vấn uyên thâm thì sẽ được bước qua lớp cổng Đại Thành này vào khu thờ tự bên trong.



Đại Thành Môn

Nhà thờ Đức Khổng Tử: Khổng Tử là người khai sáng ra Nho giáo và Nho học. Ngày nay, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cũng đưa vào thờ Khổng Tử ở vị trí trang trọng từ ngoài vào nhằm thể hiện hơn nữa tinh thần tôn sư trọng đạo, tôn trọng tri thức.

Bái Đường (Nhà thờ chính): xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối.



Nhà thờ chính của Văn miếu Trấn Biên.

Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969): anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Sau lưng tượng thờ Chủ tịch là hình ảnh Trống đồng Ngọc Lũ biểu tượng cho nền văn hóa Việt Nam và Quốc Tổ Hùng Vương.

Gian bên trái nhà là nơi thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn. Gian bên phải thờ danh nhân đất Nam Bộ như Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu.

Trong gian thờ này, đặc biệt có trưng bày 18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng, biểu trưng cho 18 đời vua Hùng, cội nguồn của dân tộc Việt.

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là Nhà văn Vật Khố (nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm. Đứng đối hài hòa với Nhà Văn vật khố là Nhà Thư khố - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo ... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay.

Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn Miếu Trấn Biên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có quyết định về việc xếp hạng cấp Quốc gia di tích lịch sử Văn miếu Trấn Biên (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phát huy những giá trị văn hóa, khẳng định vị thế của Văn miếu Trấn Biên trong đời sống tinh thần của người dân Đồng Nai và vùng đất Nam bộ.



Với chức năng là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa - giáo dục của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, Trung tâm Văn Miếu Trấn Biên ngày càng thể hiện vai trò là trung tâm văn hóa, giáo dục của tỉnh Đồng Nai nói riêng và vùng đất phía Nam nói chung thông qua rất nhiều hoạt động, sự kiện được tổ chức hàng năm. Không chỉ chứa đựng những giá trị về văn hóa, lịch sử, Văn Miếu Trấn Biên còn là một công trình đặc sắc về nghệ thuật, kiến trúc với phong cảnh thoáng mát, vừa cổ kính vừa trang nhã nên thu hút đông đảo nhiều tầng lớp nhân dân trong và ngoài tỉnh, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các Bộ, ngành, các đoàn ngoại giao và các đoàn khách quốc tế ghé thăm. Hằng năm, Văn Miếu Trấn Biên đã đón tiếp gần 300,000 lượt khách.

❖ **Cảm nhận về di tích Văn miếu Trấn Biên**

Năm học 2016-2017, em đã được vinh dự đến văn miếu Trấn Biên để dâng hương báo công trong Lễ tuyên dương học sinh đoạt giải quốc gia.



Lễ tuyên dương giáo viên, học sinh đạt giải quốc gia trong năm học 2016 - 2017

Bước qua Văn miếu môn, đập vào mắt em là sự ngỡ ngàng bởi những lầu bia uy nghi tráng lệ, vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc bằng gốm tráng men. Văn miếu Trấn Biên là một danh thắng với cảnh sắc tuyệt đẹp, sông nước hữu tình, vẻ đẹp cổ kính, trang nhã.

Đi tiếp lên lầu Khuê Văn Các, có thể nhìn được toàn cảnh bức tranh Văn miếu Trấn Biên. Trước cổng tam quan là hồ Tịnh Quang nước xanh trong vắt, khung cảnh thật đẹp. Qua nhà bia thứ hai là nhà thờ chính, được xây dựng theo kiểu kiến trúc cổ, có bàn thờ Bác Hồ ở gian giữa, trên tường có biểu tượng trống đồng tượng trưng cho văn hóa Việt Nam và Quốc Tổ Hùng Vương. Trong gian thờ này đặc biệt có trưng bày 18kg đất và 18 lít nước mang từ đền Hùng, tượng trưng cho 18 đời Vua Hùng, cội nguồn của dân tộc. Trong Văn Miếu Trấn Biên còn có các bàn thờ đức Khổng Tử, bàn thờ Quốc Tổ và Lịch Đại Đế Vương. Gian bên trái thờ các danh nhân Chu Văn An, Nguyễn Trãi và Lê Quý Đôn. Gian bên phải thờ Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật và ba vị được tôn xưng là "Gia Định tam kiệt": Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định.

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là Văn Vật Khố (nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm. Đứng đối hài hòa với Văn Vật khố là Thư khố - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay. Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống, bia truyền thống, và các công trình phụ cận. Bia truyền thống Trấn Biên–Đồng Nai khắc bài văn khái quát về truyền thống văn hóa, giáo dục của Biên Hòa xưa và nay. Nhà truyền thống chủ yếu dùng để trưng bày và ghi danh những đơn vị, cá nhân đạt được các danh hiệu cấp nhà nước.

Nghe giới thiệu, em được biết vào mùng 3 tết âm lịch hàng năm sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong khu vực lại hội tụ về Văn miếu Trấn Biên dâng

huong, dâng hoa bày tỏ lòng tri ân đến các bậc hiền nhân, giao lưu và dâng hoa bày tỏ lòng biết ơn đến các thầy cô giáo...

Trải qua biết bao biến cố, thăng trầm của lịch sử, nhất là các cuộc chiến tranh xâm lược của giặc ngoại xâm, trong tâm thức của người Đồng Nai, Văn miếu Trấn Biên vẫn luôn luôn tồn tại.

Văn miếu Trấn Biên được xây dựng lại theo hình thức truyền thống nhưng thể hiện biểu trưng mới về văn hóa-giáo dục và tinh thần trọng việc học hành theo quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta. Văn miếu là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa-giáo dục xưa và nay của dân tộc và của địa phương; đồng thời là một thiết chế văn hóa, du lịch gắn với khu danh thắng Bửu Long đã được công nhận là di tích quốc gia. Do vậy, ngoài việc thờ phụng các danh nhân văn hóa-giáo dục xưa và nay, Văn miếu Trấn Biên còn là nơi tổ chức lễ báo công, tuyên dương tài năng trên các lĩnh vực.

Văn Miếu Trấn Biên không quá đặc biệt khiến cả nước hướng về như cố đô Huế, cũng không nổi tiếng như Quốc Tử Giám của Hà Nội xa xôi, mà chỉ đơn giản, nhẹ nhàng ở chốn bình yên giữa lòng thành phố. Tuy là công trình được phục dựng lại, nhưng ở Trấn Biên người ta tìm thấy được một phần lịch sử, một phần tình yêu đối với quê hương, đất nước và con người Việt Nam.



Toàn cảnh văn miếu Trấn Biên

Có lẽ những người Nam Bộ chẳng cần đi quá xa mới cảm nhận được những nét cổ kính của kinh đô xưa cũ, những người sống ở Sài Gòn hoa lệ cũng chẳng cần đáp chuyến máy bay tới cố đô Huế hay thủ đô Hà Nội nếu chưa đủ điều kiện, bởi họ có thể đến Trấn Biên – nơi văn miếu đượm hồn dân tộc dù thời gian có khi muốn xóa nhòa tất cả.

Về với Trấn Biên hôm nay chúng ta sẽ thấy được tầm vóc, sự lan tỏa, phát huy truyền thống hiếu học, trọng dụng nhân tài. Biên Hòa – Đồng Nai là vùng đất

có bề dày lịch sử phát triển và Văn miếu Trấn Biên là một di tích đáng để những con người Biên Hòa – Đồng Nai hôm nay rất đỗi tự hào.

Hiện tại Văn miếu Trấn Biên không chỉ có giá trị riêng đối với vùng đất Đồng Nai mà nó còn mang ý nghĩa văn hiến của cả khu vực Nam bộ. Ngoài các giá trị về văn hoá - giáo dục, lịch sử... Văn miếu Trấn Biên còn là một điểm tham quan du lịch mang đầy ý nghĩa đối với đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới học sinh, sinh viên. từ khi khánh thành (năm 2002) đến nay, Văn miếu Trấn Biên là nơi thường xuyên diễn ra các lễ viếng các bậc tiền nhân, tổ chức tuyên dương, khen thưởng, báo công những thành tích đặc biệt trên các lĩnh vực mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đạt được, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục. Ngoài ra, văn miếu cũng là nơi đón nhiều đoàn khách trong và ngoài tỉnh cũng như các đoàn khách quốc tế khi đến thăm Đồng Nai.

Đã từ lâu, người Đồng Nai kính trọng gọi Trấn Biên là Văn Thánh miếu.

Em là người con sinh ra ở đất Đồng Nai, vinh dự khi được đến Văn miếu Trấn Biên trong Lễ dâng hương báo công với Vua Hùng, các anh hùng Liệt sỹ, với Bác Hồ. Em càng thấy mình càng phải cố gắng ra sức học tập thật giỏi để xứng đáng với công ơn to lớn của những người đi trước sau này có thể góp sức xây dựng quê hương giàu đẹp hơn.

❖ Những việc cần làm trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích với mọi người.

Di tích là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, minh chứng về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Di tích giúp cho con người biết được cội nguồn của dân tộc mình, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hoá của đất nước và do đó có tác động ngược trở lại tới việc hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện đại.

Mỗi di tích lịch sử khi được công nhận, vinh danh sẽ góp phần quảng bá hình ảnh đất nước trên trường quốc tế, bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và làm sâu sắc thêm niềm tự hào dân tộc của mỗi người dân Việt Nam. Những di sản văn hóa, di tích lịch sử vì thế không chỉ được coi là tài sản có giá trị giáo dục truyền thống, nhân cách cho thế hệ trẻ mà còn là nguồn lực to lớn góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mặc dù vậy, hiện nay, công tác bảo vệ, gìn giữ, phát huy các giá trị di sản, di tích được quan tâm nhưng vẫn còn một số vấn đề chưa tốt vì nhiều lý do khách quan và chủ quan.

Văn miếu Trấn Biên là công trình văn hóa lớn có vị trí khá quan trọng trong nền văn hóa, giáo dục miền Đông Nam bộ. Bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích với mọi người là trách nhiệm của mọi người, đặc biệt là thế hệ học sinh chúng em, sinh ra lớn lên trên đất Đồng Nai giàu truyền thống.

Để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di tích bản thân em cần phải cố gắng học tập, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục bảo vệ di tích trong nhà trường và ngoài xã hội, gắn lý thuyết với thực hành. Tham gia tích cực Trong phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” liên quan đến việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử: Tìm hiểu về đời sống văn hóa trong nhà trường gắn với việc khai thác văn hóa dân gian; chăm sóc di sản gắn với tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa.

Khi học các môn học trong nhà trường như môn Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch Sử... Em sẽ tìm hiểu các kiến thức về di tích, lồng ghép kiến thức, hiểu biết về di tích Văn miếu Trấn Biên trong các bài tập, bài kiểm tra, giúp em và các bạn hiểu sâu về di tích, từ đó khơi dậy niềm tự hào về các giá trị truyền thống. Bên cạnh đó, khi tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ dân ca em sẽ giới thiệu và chuyển giao đến các bạn có những hiểu biết nhất định về di tích Lịch sử, văn hóa truyền thống của quê hương.

Thực tế là khi đến Văn miếu Trấn Biên lần thứ hai vào Tết cổ truyền năm 2017 cùng gia đình, em đã trở thành tuyên truyền viên giới thiệu với ba mẹ, các em về những nơi em đã đến. Khi nói chuyện với bạn bè, em kể về Văn miếu Trấn Biên, bạn bè em sau đó đã về kể lại với mọi người trong nhà đình. Khi lên mạng em đã đăng những tấm hình đã chụp ở Văn miếu Trấn Biên để giới thiệu với mọi người. Như vậy em đã như một người tuyên truyền viên giới thiệu di tích với mọi người.



Vườn tượng danh nhân văn hóa – Văn miếu Trấn Biên

Ngày nay, du lịch được coi là một trong những phương tiện hàng đầu để trao đổi văn hóa, du lịch là động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản văn hóa, và di sản thiên nhiên và đã thành một phức hợp đóng một vai trò chủ yếu trong các lĩnh vực

kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, sinh thái và thẩm mỹ...đó là mối tương tác giữa du lịch và di sản văn hóa nêu tại Công ước quốc tế về du lịch văn hóa đã được ICOMOS thông qua tại kỳ họp Đại Hội Đồng lần thứ 12 ở Mexico năm 1999. Vì vậy, việc tuyên truyền, giới thiệu, tăng tính hấp dẫn của di tích nhằm thu hút nhiều hơn nữa khách tham quan; tổ chức các hoạt động văn hoá tại di tích hướng tới mục tiêu phục vụ phát triển du lịch bền vững là hết sức cần thiết.

Bảo tồn và khai thác luôn là hai mặt của một vấn đề, nếu chỉ bảo tồn mà không chú ý tới khai thác sẽ gây lãng phí tài nguyên, hạn chế việc phát huy giá trị; nếu chỉ khai thác mà không bảo tồn thì còn nguy hiểm hơn nữa, điều đó sẽ gây hủy hoại di tích, hủy hoại môi trường và những hậu quả to lớn khác cho toàn xã hội.

Di tích có vai trò to lớn đối với sự phát triển lành mạnh và bền vững của cuộc sống đương đại. Bảo vệ và phát huy giá trị của di tích là nền tảng, là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người và của cả cộng đồng.

Em rất mong muốn bài dự thi của em sẽ giúp cho nhiều người và đặc biệt là các bạn học sinh thêm hiểu biết, yêu mến quê hương Đồng Nai, có ý thức rõ hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và bảo tồn các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của quê hương Đồng Nai thân yêu./.

Vĩnh An, ngày 15 tháng 11 năm 2017

Người dự thi

Trần Anh Kiệt